BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Mai Đình Trí - (01022)

Ngày thi: 15/9/2022 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: Mai Đình Trí Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100030	Nguyễn Thị Thu	Dàng	19/10/2004		8.0	Tám	C24QT1	
2	2210100009	Trần Quốc	Dương	24/11/2000		7.0	Bảy	C24QT1	
3	2210100022	Nguyễn Quỳnh	Giang	20/05/2004		8.0	Tám	C24QT1	
4	2210100020	Huỳnh Văn	Giác	11/01/2001				C24QT1	N
5	2210100007	Đặng Ngọc	Hải	21/09/2003		7.5	Bảy rưỡi	C24QT1	
6	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	15/03/2004		8.0	Tám	C24QT1	
7	2210100001	Huỳnh Hữu	Hậu	02/12/2003		9.0	Chín	C24QT1	
8	2210100011	Nguyễn Thị Như	Huỳnh	12/09/2003		8.0	Tám	C24QT1	
9	2210100027	Võ Mạnh	Huỳnh	10/08/2004		8.0	Tám	C24QT1	
10	2210100003	Bùi Thị Diễm	Hương	30/12/2002		8.0	Tám	C24QT1	
11	2210100004	Hồ Quang Anh	Khoa	10/05/2001				C24QT1	Nợ HP
12	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	03/09/2004		9.0	Chín	C24QT1	
13	2210100019	Trần Nhựt	Long	23/04/2004		9.0	Chín	C24QT1	
14	2210100006	Bùi Trọng	Nghĩa	01/01/2001		8.0	Tám	C24QT1	
15	2210100087	Đào Thị Bảo	Ngọc	01/06/2004				C24QT1	
16	2210100012	Nguyễn Kim	Ngọc	13/02/2003		7.0	Bảy	C24QT1	
17	2210100016	Trương Thị Mỹ	Ngọc	11/08/2004		8.0	Tám	C24QT1	
18	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	19/07/2004		8.0	Tám	C24QT1	
19	2210100002	Nguyễn Hồng	Nhi	25/08/2002		8.0	Tám	C24QT1	
20	2210100024	Nguyễn Hồng	Phú	20/02/2004				C24QT1	N
21	2210100023	Võ Thị Thanh	Thảo	16/04/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
22	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	14/01/2004		8.0	Tám	C24QT1	
23	2210100106	Đoàn Hoàng	Thiên	05/04/2004		8.0	Tám	C24QT1	
24	2210100010	Nguyễn Thị Thu	Thủy	16/11/2002		8.0	Tám	C24QT1	
25	2210100031	Dương Thị Cẩm	Thúy	26/09/2004		8.0	Tám	C24QT1	
26	2210100029	Dương Thị Minh	Thư	15/02/2004		7.5	Bảy rưỡi	C24QT1	
27	2210100113	Đoàn Lê Minh	Thư	08/08/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
28	2210100008	Lê Thị Mỹ	Tiên	07/12/2001		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
29	2210100053	Nguyễn Lê Tú	Trân	21/02/2004		7.5	Bảy rưỡi	C24QT1	
30	2210120028	Võ Trần Kim	Tuyền	02/11/2003		8.0	Tám	C24QT1	
31	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	05/04/2004		8.0	Tám	C24QT1	
32	2210100048	Phạm Thị Thảo	Vi	20/04/2004		7.0	Bảy	C24QT1	
33	2210100014	Huỳnh Thị Lan	Vy	30/05/2004		8.0	Tám	C24QT1	
34	2210100005	Nguyễn Ngọc	Xuân	26/01/2001				C24QT1	N

Ngày in: 14:41 04/10/2022

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 29 **vắng thi:** 05 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày 01 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 06 *tháng* 10 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Đình Trí

TRƯỜNG KHẢO

Ngày in: 14:41 04/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Mai Đình Trí - (01022)

Ngày thi: 15/9/2022 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: Mai Đình Trí Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên	**An**	23/09/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương	**Anh**	05/04/2004		9.0	Chín	C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	12/09/2004		7.5	Bảy rưỡi	C24QT2	
4	2210100037	Trương Nguyễn Thục	**Di**	09/02/2004		8.0	Tám	C24QT2	
5	2210100064	Quách Xuân	**Diệu**	13/08/2004		8.0	Tám	C24QT2	
6	2210100042	Nguyễn Ngọc Bảo	**Duy**	16/12/2001				C24QT2	N
7	2210100039	Đỗ Hồng	**Đức**	01/01/2003		8.0	Tám	C24QT2	
8	2210100049	Lê Thị Ngọc	**Hân**	15/08/2004				C24QT2	N
9	2210100054	Ngô Phạm Ngọc	**Hân**	25/09/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT2	
10	2210100066	Trương Thị Cẩm	**Hiếu**	13/06/2004		9.0	Chín	C24QT2	
11	2210100067	Lê Thị Thanh	**Hoa**	28/08/2004		7.5	Bảy rưỡi	C24QT2	
12	2210100061	Nguyễn Thị Ngọc	**Hoa**	27/05/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT2	
13	2210100068	Hứa Nhật	**Huy**	20/01/2004		7.0	Bảy	C24QT2	
14	2210100062	Mai Thị Ngọc	**Hương**	01/12/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT2	
15	2210100059	Trương Minh	**Kha**	23/04/2004		8.0	Tám	C24QT2	
16	2210100018	Huỳnh Thị Huyền	**Nhung**	20/03/2004		8.0	Tám	C24QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 14 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____%

Ngày. 01 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày. 06 *tháng* 10 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Đình Trí

Ngày in: 14:43 04/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Mai Đình Trí - (01022)

Ngày thi: 27/01/2022 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: Mai Đình Trí Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100030	Nguyễn Thị Thu	**Dàng**	19/10/2004		9.0	Chín	C24QT1	
2	2210100009	Trần Quốc	**Dương**	24/11/2000		6.0	Sáu	C24QT1	
3	2210100022	Nguyễn Quỳnh	**Giang**	20/05/2004		9.0	Chín	C24QT1	
4	2210100020	Huỳnh Văn	**Giác**	11/01/2001				C24QT1	N
5	2210100007	Đặng Ngọc	**Hải**	21/09/2003		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
6	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	15/03/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
7	2210100001	Huỳnh Hữu	**Hậu**	02/12/2003		9.0	Chín	C24QT1	
8	2210100011	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	12/09/2003		9.0	Chín	C24QT1	
9	2210100027	Võ Mạnh	**Huỳnh**	10/08/2004		8.0	Tám	C24QT1	
10	2210100003	Bùi Thị Diễm	**Hương**	30/12/2002		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
11	2210100004	Hồ Quang Anh	**Khoa**	10/05/2001				C24QT1	Nợ HP
12	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	**Lệ**	03/09/2004		9.0	Chín	C24QT1	
13	2210100019	Trần Nhựt	**Long**	23/04/2004		9.0	Chín	C24QT1	
14	2210100006	Bùi Trọng	**Nghĩa**	01/01/2001	Nghĩa	9.0	Chín	C24QT1	
15	2210100087	Đào Thị Bảo	**Ngọc**	01/06/2004		8.0	Tám	C24QT1	
16	2210100012	Nguyễn Kim	**Ngọc**	13/02/2003		7.0	Bảy	C24QT1	
17	2210100016	Trương Thị Mỹ	**Ngọc**	11/08/2004		8.0	Tám	C24QT1	
18	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	**Nguyệt**	19/07/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
19	2210100002	Nguyễn Hồng	**Nhi**	25/08/2002		9.0	Chín	C24QT1	
20	2210100024	Nguyễn Hồng	**Phú**	20/02/2004				C24QT1	N
21	2210100023	Võ Thị Thanh	**Thảo**	16/04/2004		8.0	Tám	C24QT1	
22	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	14/01/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
23	2210100106	Đoàn Hoàng	**Thiên**	05/04/2004		8.0	Tám	C24QT1	
24	2210100010	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	16/11/2002		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
25	2210100031	Dương Thị Cẩm	**Thúy**	26/09/2004		9.0	Chín	C24QT1	
26	2210100029	Dương Thị Minh	**Thư**	15/02/2004		8.0	Tám	C24QT1	
27	2210100113	Đoàn Lê Minh	**Thư**	08/08/2004		9.0	Chín	C24QT1	
28	2210100008	Lê Thị Mỹ	**Tiên**	07/12/2001		9.0	Chín	C24QT1	
29	2210100053	Nguyễn Lê Tú	**Trân**	21/02/2004		8.0	Tám	C24QT1	
30	2210120028	Võ Trần Kim	**Tuyền**	02/11/2003		8.5	Tám rưỡi	C24QT1	
31	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	**Vi**	05/04/2004		9.0	Chín	C24QT1	
32	2210100048	Phạm Thị Thảo	**Vi**	20/04/2004		8.0	Tám	C24QT1	
33	2210100014	Huỳnh Thị Lan	**Vy**	30/05/2004		9.0	Chín	C24QT1	
34	2210100005	Nguyễn Ngọc	**Xuân**	26/01/2001				C24QT1	N

Ngày in: 14:42 04/10/2022

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 30 **vắng thi:** 04 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____**%**

Ngày. 01 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày. 29 *tháng* 10 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Đình Trí

TRƯỜNG

KHẢO

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Mai Đình Trí - (01022)

Ngày thi: 27/10/2022 **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1: Mai Đình Trí Ký tên:

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên	**An**	23/09/2004		9.0	Chín	C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương	**Anh**	05/04/2004		9.0	Chín	C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	12/09/2004		8.0	Tám	C24QT2	
4	2210100037	Trương Nguyễn Thục	**Di**	09/02/2004		9.0	Chín	C24QT2	
5	2210100064	Quách Xuân	**Diệu**	13/08/2004		8.5	Tám rưỡi	C24QT2	
6	2210100042	Nguyễn Ngọc Bảo	**Duy**	16/12/2001				C24QT2	N
7	2210100039	Đỗ Hồng	**Đức**	01/01/2003		8.0	Tám	C24QT2	
8	2210100049	Lê Thị Ngọc	**Hân**	15/08/2004				C24QT2	N
9	2210100054	Ngô Phạm Ngọc	**Hân**	25/09/2004		9.0	Chín	C24QT2	
10	2210100066	Trương Thị Cẩm	**Hiếu**	13/06/2004		9.0	Chín	C24QT2	
11	2210100067	Lê Thị Thanh	**Hoa**	28/08/2004		9.0	Chín	C24QT2	
12	2210100061	Nguyễn Thị Ngọc	**Hoa**	27/05/2004		9.0	Chín	C24QT2	
13	2210100068	Hứa Nhật	**Huy**	20/01/2004		7.5	Bảy rưỡi	C24QT2	
14	2210100062	Mai Thị Ngọc	**Hương**	01/12/2004		9.0	Chín	C24QT2	
15	2210100059	Trương Minh	**Kha**	23/04/2004		9.0	Chín	C24QT2	
16	2210100018	Huỳnh Thị Huyền	**Nhung**	20/03/2004		9.0	Chín	C24QT2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 14 **vắng thi:** 02 **. Số bài thi:**_____/_____.

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**____,____%

Ngày 01 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày 27 *tháng* 10 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Mai Đình Trí

Ngày in: 14:44 04/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tin học - MH1109016

Mã lớp học phần: MH110901601 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Mai Đình Trí

Ngày thi: 22/11/2022 **Giờ thi: 07h45** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: P.Q. Vang Ký tên:

Giám thị 2: M.V. Thanh Ký tên:

Giám thị 3: _____ Ký tên:_____

Giám thị 4: _____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên	**An**	23/09/2004					C24QT2	
2	2210100038	Lê Thị Phương	**Anh**	05/04/2004					C24QT2	
3	2210100051	Nguyễn Thị Kim	**Cương**	12/09/2004					C24QT2	
4	2210100030	Nguyễn Thị Thu	**Dàng**	19/10/2004					C24QT1	
5	2210100037	Trương Nguyễn Thục	**Di**	09/02/2004					C24QT2	
6	2210100064	Quách Xuân	**Diệu**	13/08/2004					C24QT2	
7	2210100009	Trần Quốc	**Dương**	24/11/2000					C24QT1	
8	2210100039	Đỗ Hồng	**Đức**	01/01/2003					C24QT2	
9	2210100022	Nguyễn Quỳnh	**Giang**	20/05/2004					C24QT1	
10	2210100007	Đặng Ngọc	**Hải**	21/09/2003					C24QT1	
11	2210100032	Nguyễn Thị Thúy	**Hằng**	15/03/2004					C24QT1	
12	2210100054	Ngô Phạm Ngọc	**Hân**	25/09/2004					C24QT2	
13	2210100001	Huỳnh Hữu	**Hậu**	02/12/2003					C24QT1	
14	2210100066	Trương Thị Cẩm	**Hiếu**	13/06/2004					C24QT2	
15	2210100067	Lê Thị Thanh	**Hoa**	28/08/2004					C24QT2	
16	2210100061	Nguyễn Thị Ngọc	**Hoa**	27/05/2004					C24QT2	
17	2210100068	Hứa Nhật	**Huy**	20/01/2004					C24QT2	
18	2210100011	Nguyễn Thị Như	**Huỳnh**	12/09/2003					C24QT1	
19	2210100027	Võ Mạnh	**Huỳnh**	10/08/2004					C24QT1	
20	2210100003	Bùi Thị Diễm	**Hương**	30/12/2002					C24QT1	
21	2210100062	Mai Thị Ngọc	**Hương**	01/12/2004					C24QT2	
22	2210100059	Trương Minh	**Kha**	23/04/2004					C24QT2	
23	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ	**Lệ**	03/09/2004					C24QT1	
24	2210100019	Trần Nhựt	**Long**	23/04/2004					C24QT1	
25	2210100006	Bùi Trọng	**Nghĩa**	01/01/2001					C24QT1	
26	2210100087	Đào Thị Bảo	**Ngọc**	01/06/2004					C24QT1	
27	2210100012	Nguyễn Kim	**Ngọc**	13/02/2003					C24QT1	
28	2210100016	Trương Thị Mỹ	**Ngọc**	11/08/2004					C24QT1	
29	2210100021	Nguyễn Thị Ánh	**Nguyệt**	19/07/2004					C24QT1	
30	2210100002	Nguyễn Hồng	**Nhi**	25/08/2002					C24QT1	
31	2210100018	Huỳnh Thị Huyền	**Nhung**	20/03/2004					C24QT2	
32	2210100023	Võ Thị Thanh	**Thảo**	16/04/2004					C24QT1	
33	2210100017	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	14/01/2004					C24QT1	
34	2210100106	Đoàn Hoàng	**Thiên**	05/04/2004					C24QT1	
35	2210100010	Nguyễn Thị Thu	**Thủy**	16/11/2002					C24QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2210100031	Dương Thị Cẩm	**Thúy**	26/09/2004					C24QT1	
37	2210100029	Dương Thị Minh	**Thư**	15/02/2004					C24QT1	
38	2210100113	Đoàn Lê Minh	**Thư**	08/08/2004					C24QT1	
39	2210100008	Lê Thị Mỹ	**Tiên**	07/12/2001					C24QT1	
40	2210100053	Nguyễn Lê Tú	**Trân**	21/02/2004					C24QT1	
41	2210120028	Võ Trần Kim	**Tuyền**	02/11/2003					C24QT1	
42	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường	**Vi**	05/04/2004					C24QT1	
43	2210100048	Phạm Thị Thảo	**Vi**	20/04/2004					C24QT1	
44	2210100014	Huỳnh Thị Lan	**Vy**	30/05/2004					C24QT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 44 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 44 / 44 .

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày 05 *tháng* 12 *năm* 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG KHẢC ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tin học
Mã bài thi: TOH8N7
Thời gian thi: 22/11/2022 07:45:00
Thời gian kết thúc: 22/11/2022 08:45:00

Giám thị 1: P.Q Sáng Ký tên:
Giám thị 2: NV Thanh Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100038	Lê Thị Phương Anh	05/04/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT2	
2	2210100030	Nguyễn Thị Thu Dàng	19/10/2004		4.4	Bốn, bốn	C24QT1	
3	2210100064	Quách Xuân Diệu	13/08/2004		5.6	Năm, sáu	C24QT2	
4	2210100039	Đỗ Hồng Đức	01/01/2003		7.6	Bảy, sáu	C24QT2	
5	2210100007	Đặng Ngọc Hải	21/09/2003		8.8	Tám, tám	C24QT1	
6	2210100054	Ngô Phạm Ngọc Hân	25/09/2004		9.4	Chín, bốn	C24QT2	
7	2210100066	Trương Thị Cẩm Hiếu	13/06/2004		8	Tám	C24QT2	
8	2210100061	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	27/05/2004		7.6	Bảy, sáu	C24QT2	
9	2210100003	Bùi Thị Diễm Hương	30/12/2002		8.6	Tám, sáu	C24QT1	
10	2210100011	Nguyễn Thị Như Huỳnh	12/09/2003		7.8	Bảy, tám	C24QT1	
11	2210100059	Trương Minh Kha	23/04/2004		7.6	Bảy, sáu	C24QT2	
12	2210100019	Trần Nhựt Long	23/04/2004		5	Năm	C24QT1	
13	2210100087	Đào Thị Bảo Ngọc	01/06/2004		5.2	Năm, hai	C24QT1	
14	2210100016	Trương Thị Mỹ Ngọc	11/08/2004		4.2	Bốn, hai	C24QT1	
15	2210100002	Nguyễn Hồng Nhi	25/08/2002		7.6	Bảy, sáu	C24QT1	
16	2210100023	Võ Thị Thanh Thảo	16/04/2004		7.2	Bảy, hai	C24QT1	
17	2210100106	Đoàn Hoàng Thiên	05/04/2004		5.8	Năm, tám	C24QT1	
18	2210100113	Đoàn Lê Minh Thư	08/08/2004		6.4	Sáu, bốn	C24QT1	
19	2210100031	Dương Thị Cẩm Thúy	26/09/2004		8.4	Tám, bốn	C24QT1	
20	2210100053	Nguyễn Lê Tú Trân	21/02/2004		4.4	Bốn, bốn	C24QT1	
21	2210100028	Nguyễn Ngọc Tường Vi	05/04/2004		6	Sáu	C24QT1	
22	2210100014	Huỳnh Thị Lan Vy	30/05/2004		6.4	Sáu, bốn	C24QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 22 **Số sinh viên đạt: 22**

Ngày 05 tháng 12 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tin học
Mã bài thi: 7X8YJS
Thời gian thi: 22/11/2022 07:45:00
Thời gian kết thúc: 22/11/2022 08:45:00

Giám thị 1: N.a Sang Ký tên:
Giám thị 2: M.v Thắt Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100056	Dương Ngọc Duyên An	23/09/2004		8.6	Tám, sáu	C24QT2	
2	2210100051	Nguyễn Thị Kim Cương	12/09/2004		7.6	Bảy, sáu	C24QT2	
3	2210100037	Trương Nguyễn Thục Di	09/02/2004		5.2	Năm, hai	C24QT2	
4	2210100009	Trần Quốc Dương	24/11/2000		5.4	Năm, bốn	C24QT1	
5	2210100022	Nguyễn Quỳnh Giang	20/05/2004		7.6	Bảy, sáu	C24QT1	
6	2210100032	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/03/2004		9.6	Chín, sáu	C24QT1	
7	2210100001	Huỳnh Hữu Hậu	02/12/2003		7.6	Bảy, sáu	C24QT1	
8	2210100067	Lê Thị Thanh Hoa	28/08/2004		6.8	Sáu, tám	C24QT2	
9	2210100062	Mai Thị Ngọc Hương	01/12/2004		8.2	Tám, hai	C24QT2	
10	2210100068	Hứa Nhật Huy	20/01/2004		7.8	Bảy, tám	C24QT2	
11	2210100027	Võ Mạnh Huỳnh	10/08/2004		8.2	Tám, hai	C24QT1	
12	2210100013	Nguyễn Thị Mỹ Lệ	03/09/2004		7.6	Bảy, sáu	C24QT1	
13	2210100006	Bùi Trọng Nghĩa	01/01/2001		5.4	Năm, bốn	C24QT1	
14	2210100012	Nguyễn Kim Ngọc	13/02/2003		4.4	Bốn, bốn	C24QT1	
15	2210100021	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	19/07/2004		6	Sáu	C24QT1	
16	2210100018	Huỳnh Thị Huyền Nhung	20/03/2004		5.8	Năm, tám	C24QT2	
17	2210100017	Nguyễn Thị Hồng Thắm	14/01/2004		7	Bảy	C24QT1	
18	2210100029	Dương Thị Minh Thư	15/02/2004		7.4	Bảy, bốn	C24QT1	
19	2210100010	Nguyễn Thị Thu Thủy	16/11/2002		8	Tám	C24QT1	
20	2210100008	Lê Thị Mỹ Tiên	07/12/2001		4	Bốn	C24QT1	
21	2210120028	Võ Trần Kim Tuyền	02/11/2003		4.6	Bốn, sáu	C24QT1	
22	2210100048	Phạm Thị Thảo Vi	20/04/2004		6	Sáu	C24QT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 22 **Số sinh viên đạt: 22**

Ngày 05 tháng 12 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Quang Sáng

Ngày ___ tháng ___ năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)